

Bản án số: 151/2023/HNGĐ -ST

Ngày: 21-3-2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2/ Ông Hoàng Hữu Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Quý – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Anh Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 580/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Thanh T, sinh năm: 1991; địa chỉ: 1570/115 đường V, Phường G, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm: 1992; Địa chỉ: 1570/115 đường V, Phường G, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2022, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Trần Thanh T trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Bích T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2016 và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 36 đăng ký tại UBND Phường G, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/5/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sống chung cùng với cha mẹ của ông. Vợ chồng yêu thương nhau, sống hạnh phúc và không xảy ra bất kỳ mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, thời gian sau này bà T thường hay có những lời lẽ lớn tiếng với ông, xúc phạm gia đình ông.

Thời gian đầu ông cũng có nói chuyện với bà T và hy vọng bà T sẽ thay đổi nhưng bà T vẫn không thay đổi. Ngoài ra, ông đi làm cũng bị áp lực công việc nhưng về đến nhà bà T không chia sẻ, cảm thông. Chính vì vậy mà ông đã chuyển ra ngoài sống một thời gian để vợ chồng có thời gian hàn gắn tình cảm. Sau khi chuyển ra ngoài sống thì bà T cũng có xin lỗi ông và hứa sẽ không có lời lẽ lớn tiếng với ông nữa. Nhưng khi ông về nhà thì sự việc vẫn tiếp diễn. Cha mẹ ông cũng bên vực bà T không hiểu cho ông. Sống chung dưới một mái nhà nhưng ông bị áp lực vì cha mẹ không hiểu mình, vợ thì không chia sẻ được với chồng. Vì vậy tháng 7/2022 ông chuyển ra ngoài thuê nhà trọ sống từ đó cho đến nay.

Sau khi chuyển ra ngoài sống thì lâu lâu ông cũng có về nhà thăm cha mẹ và các con. Ông cũng có gửi tiền cho mẹ ông để phụ chăm lo cho hai đứa con. Từ khi chuyển ra ngoài sống lần thứ 2 thì ông cũng không còn nói chuyện với bà T nữa. Chỉ những khi cần thiết thì ông mới nói chuyện với bà T. Từ tháng 12/2022 đến nay thì ông không về nhà thăm con và chu cấp tiền nuôi con vì ông bị mất việc làm không có thu nhập. Ông thừa nhận vào tháng 10/2021 ông có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Nay ông nhận thấy không còn tình cảm với bà T nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông và bà T có với nhau 02 (hai) con chung là trẻ Trần Tuấn T – Sinh ngày: 01/5/2017 và trẻ Trần Tuấn P – Sinh ngày: 08/8/2019. Ông giao hai con cho bà T nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông cấp dưỡng nuôi hai con là 3.000.000 đồng/tháng

Về tài sản chung: Ông và bà T không có tài sản chung

Về nợ chung: Ông và bà T không có nợ ai.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày*

Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống rất hạnh phúc, ông T rất thương vợ con. Cha mẹ chồng cũng rất yêu thương bà. Vợ chồng bà chưa bao giờ xảy ra mâu thuẫn gì cả. Tháng 8/2021, thời điểm dịch Covid bùng phát đỉnh điểm gia đình bị nhiễm Covid vì vậy ông T bị cách ly với gia đình, ở lại chỗ làm việc không về nhà. Chính từ thời điểm này ông T thay đổi tính tình, không còn quan tâm đến vợ con. Sau khi gia đình hết bệnh, mẹ chồng bà có gọi điện kêu ông T về với vợ con nhưng ông T lại quát nạt mẹ chồng bà. Thấy mẹ chồng buồn và khóc vì cách cư xử của ông T nên bà đã gọi điện thoại nói chuyện với ông T và bà cũng thừa nhận là lúc đó bà có nói chuyện hơi lớn tiếng với ông T. Vịn vào lý do này ông T không chịu về nhà với vợ con. Sau đó bà cũng đã xin lỗi ông T và năn nỉ ông T về nhà ở. Thời điểm đó ông T cũng đã quay về nhà ở nhưng sau đó bà phát hiện ông T có quen người phụ nữ khác bên ngoài thông qua việc ông T đăng ảnh thân mật của hai người trên facebook. Việc ông Trung có người phụ nữ khác bên ngoài bà rất buồn nhưng bà thương chồng, thương con nên bà đều bỏ qua cho

ông T, khuyên can ông T hãy vì con cái còn nhỏ, cha mẹ đã lớn tuổi mà vợ chồng hàn gắn xây dựng gia đình nhưng ông T không đồng ý.

Thời điểm ông T quay về nhà ở thì hàng ngày ông T đều đi đến 12h đêm mới về, bỏ mặc vợ con không quan tâm. Bà cũng cố gắng chịu đựng cho qua. Sau đó ông T xảy ra cãi vã với cô út của ông T về việc ông T có người phụ nữ khác bên ngoài thì ông T lại dọn ra ngoài sống và đòi ly hôn với bà. Từ khi ông T chuyển ra ngoài sống cho đến nay thì ông T cũng ít khi về nhà thăm con, lâu lâu ông T về nhà có gửi lại tiền cho mẹ chồng bà để phụ chăm lo cho hai đứa con.

Bà xác định vợ chồng bà không có mâu thuẫn gì trầm trọng, bà rất thương chồng và muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, hiện nay hai con của bà còn nhỏ, bà muốn các con của bà có đầy đủ cả cha và mẹ vì vậy bà không đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông T có với nhau 02 (hai) con chung là trẻ Trần Tuấn T – Sinh ngày: 01/5/2017 và trẻ Trần Tuấn P – Sinh ngày: 08/8/2019. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ông T ly hôn với bà thì bà yêu cầu được nuôi con chung là trẻ Trần Tuấn T và trẻ Trần Tuấn P. Về cấp dưỡng nuôi con: bà đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con mà ông T đưa ra là 3.000.000đồng/ tháng.

Về tài sản chung: Bà và ông T không có tài sản chung

Về nợ chung: Bà và ông T không có nợ ai.

- *Tại bản tự khai ngày 08/11/2022 và tại phiên tòa hôm nay mẹ của ông Trần Thanh T là bà Nguyễn Thị Kim E tham gia phiên tòa và có lời trình bày như sau:*

Bà là mẹ ruột của ông Trần Thanh T. Năm 2016, con trai bà là Trần Thanh T và chị Nguyễn Thị Bích T tiến đến hôn nhân. Sau khi kết hôn chị T về làm dâu nhà bà. Gia đình bà ai cũng thương chị T vì chị T rất lễ phép, hiểu chuyện và rất thương chồng, thương cha mẹ chồng. Từ khi chị T về sống chung với gia đình bà thì bà không thấy vợ chồng anh T, chị T xảy ra bất kỳ mâu thuẫn gì. Anh T rất thương vợ, thương cha mẹ. Vào khoảng tháng 8/2021, anh T cách ly với gia đình vì dịch Covid thì anh T không còn quan tâm đến gia đình, vợ con. Sau khi gia đình đã hết bệnh Covid bà có gọi điện kêu anh T chuyển về nhà sống nhưng anh T lại quát nạt bà. Sự việc xảy ra bà rất buồn chính vì vậy chị T đã gọi điện nói chuyện có lớn tiếng với anh T về cách cư xử của anh T với bà. Sự việc chỉ có như vậy mà vợ chồng anh T, chị T xảy ra mâu thuẫn. Anh T chuyển ra ngoài sống một thời gian. Gia đình khuyên ngăn, chị T cũng xin lỗi năn nỉ anh T quay về nhà thì lúc đó anh T đã quay về nhà sống. Nhưng sau đó, gia đình phát hiện anh T có người phụ nữ khác bên ngoài và giữa anh T với gia đình có xảy ra tranh cãi. Thời điểm đó anh T đòi ly hôn và chồng bà có nói là nếu ly hôn thì đi ra ngoài ở, không được ở đây. Chính vì vậy mà anh T đã dọn ra ngoài sống từ đó cho đến nay. Khi xảy ra tranh chấp giữa gia đình bà với anh T thì bà có khuyên chị T nhường nhịn, đừng làm lớn chuyện với anh T thì chị T cũng nghe lời bà chịu đựng, bỏ qua cho anh T, không làm lớn chuyện này.

Bà cũng xác nhận là anh T lâu lâu mới về nhà thăm con nhưng không ở lại lâu. Mỗi lần về nhà anh T đều đưa cho bà ít tiền để chăm lo cho hai cháu. Nay gia đình bà không muốn anh T và chị T ly hôn với nhau, bà rất mong Tòa án hàn gắn tình cảm cho vợ chồng anh T, chị T vì hai cháu nội của bà còn rất nhỏ cần có cả cha lẫn mẹ để vun đắp tình cảm. Bà rất mong Tòa án xem xét không cho anh T ly hôn với chị T.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, hôn nhân giữa ông T và bà T là hôn nhân hợp pháp. Nhận thấy ông T và bà T là vợ chồng trẻ, đang nuôi con nhỏ có nhiều áp lực trong cuộc sống. Các cặp vợ chồng trẻ hay xung đột, cãi nhau và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặt khác, bà T hiện đang sống cùng gia đình chồng, được mẹ chồng thương yêu phụ giúp chăm sóc hai con nhỏ. Xét mâu thuẫn của vợ chồng của ông T và bà T chưa đến mức trầm trọng, cần có thời gian để ông T và bà T rút kinh nghiệm, điều chỉnh lại cách ứng xử, cảm thông cho nhau để giữ gìn hạnh phúc gia đình. Ngoài ra, hiện hai con của ông T, bà T còn nhỏ đang sống chung với ông bà nội. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích tốt nhất của các trẻ Tuấn T và Tuấn P trong các quyết định liên quan đến các em cũng như việc các em có quyền được sống chung với cha mẹ, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Thanh T. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T nên không xem xét giải quyết. Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Ông Trần Thanh T có đơn yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích T nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông T xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà T và yêu cầu được ly hôn với bà T, bà T thì không đồng ý ly hôn với ông T vì bà vẫn còn thương chồng, các con còn nhỏ và mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông T.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...*”. Hội đồng xét xử xét thấy, ông T cho rằng bà T thường hay lớn tiếng và có lời lẽ xúc phạm ông và gia đình ông. Bà T thừa nhận đôi khi bà có lớn tiếng với ông T nhưng nguyên nhân là do ông T có cách cư xử không đúng với bà và cha mẹ của ông T. Từ khi về làm dâu thì bà luôn tôn trọng gia đình bên chồng. Tại phiên tòa hôm nay mẹ của ông T cũng trình bày nguyên nhân mà ông T yêu cầu được ly hôn với bà T là do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, còn T là con dâu lễ phép, hiếu chuyện và rất thương chồng, thương cha mẹ chồng. Như vậy, việc ông T cho rằng bà T xúc phạm gia đình ông là không đúng. Ngoài ra, một trong những nguyên nhân làm cho ông T và bà T mâu thuẫn với nhau là do ông T có tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Đây hoàn toàn là lỗi thuộc về ông T, bà T sẵn sàng tha thứ lỗi lầm mà ông T mắc phải đáng lẽ ông T phải nhận ra lỗi lầm của mình để khắc phục sửa chữa, tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Tại phiên tòa hôm nay thì bà T vẫn mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con chung. Mẹ của ông T cũng mong muốn vợ chồng ông T và bà T được đoàn tụ với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay hai con của ông T và bà T còn rất nhỏ cần có sự yêu thương, chăm sóc của cả cha lẫn mẹ. Đồng thời hiện nay bà T và hai trẻ vẫn đang sống chung với gia đình bên chồng và rất được gia đình chồng yêu thương. Được bà Kim E (mẹ ruột của ông T) trực tiếp phụ giúp chăm sóc hai cháu. Ông T cũng không nêu được căn cứ nào chứng minh bà T vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T và ông T chưa đến mức trầm trọng, những mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T và bà T chỉ là do cả hai bên chưa có sự cảm thông với nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, cần có thêm thời gian tạo điều kiện cho ông T và bà T hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông T ly hôn với bà T.

[3] Về con chung và tài sản chung: do yêu cầu ly hôn của ông T không được chấp nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề con chung và tài sản chung.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ ( Ba trăm ngàn đồng) do ông Trần Thanh T nộp được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012540 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19, Khoản 1 Điều 51, khoản 1

Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

**Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh T về việc yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích T.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T nên không xem xét giải quyết.

3. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ ( Ba trăm ngàn đồng) do ông Trần Thanh T nộp được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012540 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6. Ông T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Thanh Nhàn**